

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung danh mục nhóm mặt hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng đối với mặt hàng khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái, có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn quy định tại Thông tư số 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung danh mục nhóm mặt hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng đối với mặt hàng khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn thuộc Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Thông tư số 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Mục I - Chú giải và điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng tại Chương 98

Bổ sung khoản 1.36 vào điểm 1 Chú giải Chương thuộc Mục I – Chú giải và điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng tại Chương 98 như sau:

“1.36. Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Mục II - Danh mục nhóm mặt hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi tại Chương 98

Bổ sung nhóm 9836 - Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái) vào Mục II - Danh mục nhóm mặt hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi tại Chương 98 như sau:

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Mã hàng tương ứng tại mục I phụ lục II			Thuế suất (%)
98.36			Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái)				
			- Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa:				
			- - Cửa xe tự động được thiết kế để sử dụng trên các loại đường không phải đường quốc lộ:				
9836	10	00	- - - Tổng trọng lượng có tải tối đa trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn	8704	10	26	15
			- - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel):				
9836	20	00	- - - Tổng trọng lượng có tải tối đa trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn	8704	23	29	15
9836	30		- - - Tổng trọng lượng có tải tối đa trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn:				
9836	30	10	- - - - Xe đông lạnh	8704	23	61	15
9836	30	20	- - - - Xe thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải	8704	23	62	15
9836	30	30	- - - - Xe xi téc; xe chở xi măng kiểu bồn	8704	23	63	15
9836	30	90	- - - - Loại khác	8704	23	69	15
			- - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện:				
9836	40		- - - Tổng trọng lượng có tải tối đa trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn				
9836	40	10	- - - - Xe xi téc; xe chở xi măng kiểu bồn	8704	32	63	15
9836	40	90	- - - - Loại khác	8704	32	69	15

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 10 năm 2014. /

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VP BCD TƯ về phòng, chống tham nhũng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST. (200)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đỗ Hoàng Anh Tuấn